

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG LÔ
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 4 năm 2025
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Lê Thanh Sơn

2/ Ông Lê Hữu Vị

- Thư ký phiên tòa: Ông Nghiêm Xuân Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Hoàng Miên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Lô xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2025/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 03 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Q, huyện S, tỉnh V; (có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1986; Thôn Đ, xã Q, huyện S, tỉnh V (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05/02/2025, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn T vào ngày 21/7/2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện S, tỉnh V. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn chị về làm dâu và ở chung cùng gia đình anh T đến tháng 10/2013 thì vợ chồng chuyển ra ăn ở riêng. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 4/2024 thì phát sinh mâu

thuần, nguyên nhân do anh T thường xuyên uống rượu, không kiểm soát được bản thân và đánh, đập vợ con. Đến tháng 12/2024, vợ chồng sống ly thân cho đến nay, không dàn xếp, hoà giải. Hiện chị đang làm công nhân và sinh sống cùng nhà với bố mẹ đẻ chị ở xã Q. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống cùng với anh T nên chị xin được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Kiều M, sinh ngày 24/02/2012 và Nguyễn Mạnh N, sinh ngày 20/10/2013. Hiện nay 02 cháu đang ở với anh T. Ly hôn, chị xin nuôi cháu M, để anh T nuôi cháu N, các bên không phải đóng góp nuôi con chung cùng nhau.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên toà không có lý do nhưng tại biên bản làm việc ngày 13/3/2025, anh T trình bày: Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn và quá trình chung sống như chị H trình bày là đúng. Vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không cùng quan điểm sống, tính tình không hợp. Đến đầu năm 2025, chị H chuyển ra ngoài sinh sống và vợ chồng ly thân nhau từ đó cho đến nay. Nay chị H xin ly hôn, anh đề nghị được hàn gắn, đoàn tụ. Tuy nhiên, nếu chị H kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Như chị H trình bày là đúng. Nếu ly hôn, anh đề nghị được nuôi cháu N, để chị H nuôi cháu M. Các bên không phải đóng góp nuôi con chung cùng nhau.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu quan điểm về việc tuân thủ các quy định tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của chị H trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Văn T là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận cho chị H được ly hôn anh T.

Về con chung: Giao cho chị H trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Kiều M và giao cho anh T trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Mạnh N. Các bên không phải đóng góp nuôi con chung cùng nhau.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: không xem xét.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án Hôn nhân và gia đình là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Bị đơn trong vụ án là anh Nguyễn Văn T có địa chỉ cư trú tại xã Q, huyện Sông Lô nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sông Lô theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T.

Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T là cuộc hôn nhân tiến bộ, hợp pháp, được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng có thời gian hoà thuận, hạnh phúc nhưng sau đó do vợ chồng không bảo ban được nhau, bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau và không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Vợ chồng đã có thời gian sống ly thân. Chị H xác định vợ chồng không còn tình cảm nên xin được ly hôn anh T. Anh T xin được hàn gắn, đoàn tụ; còn nếu chị H kiên quyết xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Xét mâu thuẫn của vợ chồng của chị H và anh T đã trầm trọng, các bên đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, không quan tâm, chăm sóc nhau và làm cho cuộc hôn nhân không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bản thân anh T mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng trong suốt quá trình vợ chồng mâu thuẫn, sống ly thân, vợ chồng anh không có biện pháp hòa giải để hàn gắn về đoàn tụ. Hơn

nữa, nếu chị H kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý. Điều đó thể hiện, việc anh T xin đoàn tụ chỉ nhằm mục đích kéo dài cuộc hôn nhân không có hạnh phúc. Do vậy, đề nghị xin ly hôn của chị H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần được chấp nhận.

[2] Về con chung: Xét về quyền và nghĩa vụ, điều kiện nuôi con chung của các bên là như nhau, nhưng để đảm bảo quyền lợi của cả hai bên cha, mẹ và đảm bảo quyền được nuôi dưỡng, chăm sóc của các con chung cũng như nguyện vọng của các cháu (cháu N có nguyện vọng được ở cùng anh T; cháu M có nguyện vọng được ở cùng chị H) thì cần giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Kiều M; giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Mạnh N.

Các bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị H và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Về Hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[2] Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Kiều M, sinh ngày 24/02/2012.

Giao cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Mạnh N, sinh ngày 20/10/2013.

Các bên không phải đóng góp nuôi con chung cùng nhau.

Sau khi ly hôn, các bên có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định, không ai được cản trở.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào khoản tiền tạm ứng án

phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0001168 ngày 05/02/2025 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô. Chị H đã nộp đủ án phí.

[4] Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Sông Lô;
- Chi cục THADS huyện Sông Lô;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lê Thị Nga